TÒA ÁN NHÂN DÂN **H. HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 13/02/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Bà Lê Thị Hoàng Thương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-DS ngày 12/10/2022 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Địa chỉ trụ sở: Số 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L chức danh: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022 của Tổng Giám đốc). Ông Nguyễn Đình Lợi ủy quyền lại cho bà Xà Thị Bích H, chức danh: Nhân viên xử lý nợ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 1640/UQ-QLN.22 ngày 05/8/2022. Bà H có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn Ng, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/10/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần A (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng Á Châu*) và vợ chồng ông Ngô Văn Ng, bà Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số DAN.CN.3252.091019. Theo đó, ngân hàng cho ông Ng bà Tvay số tiền 300.000.000 đồng; mục đích vay là để xây dựng/sửa chữa nhà – sửa chữa nhà – bổ sung vốn sửa chữa nhỏ nâng cấp nhà; thời hạn vay: 120 tháng; kỳ trả nợ: Gốc và lãi trả hàng tháng; lãi suất được quy định trong khế ước nhận nợ, cụ thể: Lãi suất trong hạn: lãi suất cho vay 10,80%/năm; lãi suất cho vay ngày: 15,00%/năm. Một năm được tính là 365 ngày. Lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/ lần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/ năm. Ngày 15/10/2019, ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho ông Ng bà Ttheo kế ước nhận nợ số 01 ngày 15/10/2019.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Ngọc đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1331, tờ bản đồ số 4m, địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 598527 do UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/3/2011 đứng tên ông Ngô Văn Ng) thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAN.BĐCN.371.091019 ngày 11/10/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Ng bà Tđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ tháng 10/2021 ông Ng bà Tđã trả nợ không đầy đủ, đến tháng 5/2022 thì ông Ng bà Tkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc yêu cầu trả nợ nhưng ông Ng bà Tvẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 13/02/2023, ông Ng bà Tcòn nợ Ngân hàng Asố tiền là 297.950.438 đồng, trong đó nợ gốc là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.913.452 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.036.986 đồng.

Tại phiên toà, ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ng bà Ttrả số tiền trên cho ngân hàng đồng thời đề nghị buộc ông Ng bà Tphải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông Ng bà Tkhông trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị Tòa án tuyên ngân

hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng đề nghị buộc ông Ng bà Ttrả lại cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T vắng mặt và không có ý kiến phản hồi gửi Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện; bản sao hợp đồng cấp tín dụng và khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc của ngân hàng; biên bản xem xét thẩm định tại chổ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 299, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử: Buộc ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 297.950.438 đồng, trong đó nợ gốc là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.913.452 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.036.986 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T không thanh toán nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Án phí dân sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, bị đơn là ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Vào 11/10/2019 Ngân hàng Avà vợ chồng ông Ngọc, bà Tân đã ký kết hợp đồng tín dụng số DAN.CN.3252.091019. Theo đó, ngân hàng cho ông Ng bà Tvay số tiền 300.000.000 đồng; mục đích vay là để xây dựng/sửa chữa nhà – sửa chữa nhà – bổ sung vốn sửa chữa nhỏ nâng cấp nhà; thời hạn vay: 120 tháng; kỳ trả nợ: Gốc và lãi trả hàng tháng; lãi suất được quy định trong khế ước nhận nợ, cụ thể: Lãi suất trong hạn: lãi suất cho vay 10,80%/năm; lãi suất cho vay ngày: 15,00%/năm. Một năm được tính là 365 ngày. Lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/ lần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/ năm. Ngày 15/10/2019, ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho ông Ng bà Ttheo khế ước nhận nợ số 01 ngày 15/10/2019.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền và khế ước nhận nợ giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận trong hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng giữa các bên có hiệu lực và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Ng bà Tkhông trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ng bà Ttrả cho Ngân hàng Asố tiền nợ tính đến ngày 13/02/2023 là 297.950.438 đồng (Trong đó nợ gốc là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.913.452 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.036.986 đồng).

[2.2] Về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Để đảm bảo cho khoản vay của ông Ng bà Tthì ông Ngọc đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1331, tờ bản đồ số 4m, địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện

Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 598527 do UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/3/2011 đứng tên ông Ngô Văn Ng*) thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAN.BĐCN.371.091019 ngày 11/10/2019.

Việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do vậy, trường hợp ông Ng bà Tkhông trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ng bà Tphải chịu theo qui định của pháp luật là: 297.950.438 đồng x 5% = 14.898.000 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng ông Ng bà Tphải chịu theo qui định của pháp luật. Ngân hàng Ađã nộp và chi xong nên cần buộc ông Ng bà Ttrả lại cho Ngân hàng Asố tiền 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 299, 463, 466, của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 297.950.438 đồng (*hai trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng*) (Trong đó nợ gốc là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.913.452 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.036.986 đồng; lãi được tính đến ngày 13/02/2023).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số DAN.CN.3252.091019 ngày 11/10/2019 cho đến khi trả hết toàn

bộ nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1331, tờ bản đồ số 4m, địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 598527 do UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/3/2011 đứng tên ông Ngô Văn Ng*) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAN.BĐCN.371.091019 ngày 11/10/2019.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T phải chịu 14.898.000 đồng (*mười bốn triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 6.612.000 đồng (*sáu triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4607 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Buộc ông Ngô Văn Ng và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

Phạm Anh Tuấn